UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 5018 /SKHCN-HTS&CNg

V/v hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 16 *tháng* 10 *năm 2026*

Kính gửi:
- Các Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thành phố

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-TTg ngày 30/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030;

Căn cứ Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15/01/2026 về hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích; Thông tư số 51/2026/TT-BKHCN ngày 19/08/2026 về hướng dẫn việc thực hiện yêu cầu về phổ cập dịch vụ viễn thông đối với từng loại hình dịch vụ viễn thông và đô tốc độ mạng Internet dịch vụ viễn thông công ích; Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN ngày 15/09/2026 về hướng dẫn thực hiện Chương trình Viễn thông công ích đến năm 2030;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của đồng chí Phó Chủ tịch UBND thành phố Hoàng Minh Cường tại Công văn 13550/VP-VX ngày 13/10/2026 về triển khai thực hiện Chương trình viễn thông cong ích đến năm 2030;

Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ) hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn thành phố như sau:

I. ĐỊA BÀN, ĐỐI TƯỢNG VÀ NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Địa bàn, khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông

Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN; Quyết định số 803/QĐ-BDTTG ngày 20/9/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026-2030 (đợt 1); Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và

các văn bản của cấp có thẩm quyền ban hành đến thời điểm hiện tại: Thành phố Hải Phòng không có thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thôn thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; không có nhà giàn trên biển. Do đó, đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn thành phố không phát sinh địa bàn, khu vực khó khăn được phổ cập dịch vụ viễn thông và không phát sinh đối tượng thụ hưởng đối với các nhiệm vụ sau:

(1) Các nhiệm vụ hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (từ Nhiệm vụ 1.1 đến Nhiệm vụ 1.5) quy định tại khoản 1 Mục III Điều 1 Quyết định số 777/QĐ-TTg.

(2) Nhiệm vụ 2.5 - Hỗ trợ sử dụng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất cho cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm cả điểm trường), trạm y tế xã (bao gồm cả điểm y tế/điểm trạm y tế xã), điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (điểm đ khoản 2 Mục III Điều 1 Quyết định số 777/QĐ-TTg).

(3) Nhiệm vụ 2.6 - Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông trên mạng viễn thông cố định vệ tinh tầm thấp cho điểm cộng đồng tại các thôn đặc biệt khó khăn chưa được cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất và dịch vụ Internet băng rộng cố định mặt đất (điểm e khoản 2 Mục III Điều 1 Quyết định số 777/QĐ-TTg).

Trường hợp cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi, bổ sung danh sách thôn, xã đặc biệt khó khăn có liên quan đến địa bàn thành phố (bao gồm danh sách xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo áp dụng cho giai đoạn 2026 - 2030), Sở Khoa học và Công nghệ sẽ rà soát lại và có hướng dẫn bổ sung.

2. Đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn thành phố

a) Dịch vụ viễn thông phổ cập ***(****Dịch vụ viễn thông di động mặt đất / Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất****)***

Hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp có thẩm quyền công nhận theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ. Người đại diện hộ nghèo, hộ cận nghèo đăng ký nhận hỗ trợ là người có đủ năng lực hành vi dân sự, có tên trong Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp có thẩm quyền hoặc trong mục "Thông tin cư trú" trên ứng dụng VNeID của thành viên trong hộ.

b) Dịch vụ viễn thông di động hàng hải

Ngư dân trên tàu, thuyền Việt Nam đánh bắt trên biển; chủ tàu cá là người thực hiện thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ.

c) Hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông bắt buộc

Được thực hiện trên phạm vi cả nước theo phương thức đặt hàng của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam đối với doanh nghiệp viễn thông; không thuộc phạm vi lập danh sách đối tượng tại Văn bản này.

d) Hỗ trợ thiết bị đầu cuối (khoản 3 Mục III Điều 1 Quyết định số 777/QĐ-TTg)

Hộ nghèo, hộ cận nghèo, trừ hộ có học sinh, sinh viên đã được hỗ trợ thiết bị đầu cuối từ Chương trình "Sóng và máy tính cho em" và hộ đã được hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước trong các chương trình khác từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm lập danh sách hỗ trợ. Nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN và sẽ được triển khai sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Mỗi đối tượng chỉ được nhận hỗ trợ thông qua 01 (một) doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chỉ được đăng ký sử dụng 01 (một) dịch vụ viễn thông phổ cập tại 01 (một) doanh nghiệp viễn thông. Hộ nghèo, hộ cận nghèo lựa chọn 01 trong 02 dịch vụ: dịch vụ viễn thông di động mặt đất hoặc dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất.

b) Doanh nghiệp viễn thông chỉ cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập cho đối tượng sau khi có danh sách xác nhận của Sở Khoa học và Công nghệ. Chấm dứt hỗ trợ từ tháng tiếp theo tháng thuê bao không còn là đối tượng thụ hưởng theo quy định.

c) Trường hợp thời gian sử dụng không đủ tháng, mức hỗ trợ xác định theo khoản 4 Điều 24 Nghị định số 295/2025/NĐ-CP; điểm a khoản 4 Điều 29 Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN: Thời gian sử dụng từ 15 ngày trở lên trong tháng được tính bằng 100% mức hỗ trợ tháng; dưới 15 ngày được tính bằng 50% mức hỗ trợ tháng.

d) Đối với dịch vụ viễn thông di động hàng hải (dịch vụ thoại): mỗi tàu cá chỉ được nhận hỗ trợ thông qua 01 (một) doanh nghiệp; thời gian tính hỗ trợ làm tròn theo phút của mỗi liên lạc, thời gian liên lạc có số lẻ giây được làm tròn lên số phút cao hơn liền kề.

II. QUY TRÌNH LẬP, XÁC NHẬN DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

1. Lập danh sách tại thời điểm bắt đầu thực hiện Chương trình

a) *Các đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập được kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 777/QĐ-TTg*

Căn cứ danh sách tại thời điểm tháng 01/2026 và các danh sách biến động hằng tháng đã được xác nhận, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp và xác nhận danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập; gửi doanh nghiệp viễn thông để thực hiện hỗ trợ, gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để theo dõi, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã (Cơ quan tiếp

nhận đăng ký) để biết (*đã thực hiện tại Văn bản số 4993/SKHCN-HTS&CNg ngày 16/10/2026).*

b) Các đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải được kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 777/QĐ-TTg

Tính đến thời điểm 30/9/2026, trên địa bàn thành phố Hải Phòng không có đối tượng đang nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải.

c) Các đối tượng nêu tại điểm a, điểm b khoản này **được tiếp tục nhận hỗ trợ** sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình và **không phải thực hiện đăng ký lại**. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo để đối tượng biết, không yêu cầu đối tượng lập lại hồ sơ đăng ký.

2. Lập danh sách tăng, giảm, điều chỉnh thông tin hằng tháng

a) Bước 1: Đối tượng đăng ký tại Cơ quan tiếp nhận đăng ký (Ủy ban nhân dân cấp xã)

Hộ nghèo, hộ cận nghèo (thông qua người đại diện), chủ tàu cá có nhu cầu nhận hỗ trợ lập Đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN (ghi theo Hướng dẫn số 04/HTSD Phụ lục III Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN), nộp tại Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi thường trú.

b) Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, lập danh sách

Ủy ban nhân dân cấp xã đối chiếu điều kiện của đối tượng (danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo được công nhận trên địa bàn; thông tin tàu cá), lập 03 danh sách sau và gửi Sở Khoa học và Công nghệ **trước ngày 15 hằng tháng**:

- Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (Mẫu số 04 Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN);

- Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (Mẫu số 04a Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN);

-Danh sách đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin (Mẫu số 04b Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN).

(Lưu ý: Ủy ban nhân dân cấp xã gửi bản chính có ký tên, đóng dấu về Sở Khoa học và Công nghệ, đồng thời gửi kèm tệp dữ liệu điện tử định dạng Excel; trường hợp trong tháng không phát sinh biến động, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo bằng văn bản để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp).

c) Bước 3: Sở Khoa học và Công nghệ (Cơ quan chuyên môn) rà soát, xác nhận

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đối chiếu và **trước ngày 25 hằng tháng** xác nhận các danh sách:

- Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (Mẫu số 05 Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN);

- Danh sách xác nhận đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (Mẫu số 05a Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN);

- Danh sách xác nhận đối tượng đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin (Mẫu số 05b Phụ lục IV Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN).

Danh sách xác nhận được gửi các doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ, gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã để thông báo cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý biết. Trường hợp đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất nhưng không đủ điều kiện xác nhận, Sở Khoa học và Công nghệ lập danh sách riêng theo Mẫu số 05a gửi thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông sau khi nhận danh sách xác nhận

Rà soát với số thuê bao được hỗ trợ hiện có để cung cấp dịch vụ, thực hiện chấm dứt hỗ trợ theo quy định; trường hợp sau 02 (hai) tháng kể từ khi nhận được danh sách mà doanh nghiệp không thực hiện hỗ trợ, doanh nghiệp có trách nhiệm đưa đối tượng ra khỏi danh sách theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN. Khi phát hiện đối tượng không còn đủ điều kiện hoặc có thay đổi thông tin, doanh nghiệp lập danh sách theo Mẫu số 04a, 04b gửi Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận.

III. THAY ĐỔI DỊCH VỤ, THAY ĐỔI DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VÀ NGỪNG HỖ TRỢ

1. Thay đổi sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập tại doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo được thay đổi từ dịch vụ viễn thông di động mặt đất sang dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất và ngược lại; việc thay đổi thực hiện theo quy định về cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp viễn thông nếu có nhu cầu chuyển đổi dịch vụ thuộc phạm vi hỗ trợ của Chương trình.

- Doanh nghiệp viễn thông có trách nhiệm chuyển đổi dịch vụ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng từ tháng tiếp theo sau tháng hộ nghèo, hộ cận nghèo đề nghị thay đổi dịch vụ.

2. Thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập

- Bước 1: Đối tượng được hỗ trợ gửi Đề nghị chuyển đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập (Mẫu số 01/HTSD Phụ lục III Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN) tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã lập Danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ (Mẫu số 04) đối với doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng có nhu cầu chuyển đến và Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ (Mẫu số 04a) đối với doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng chuyển đi, gửi Sở Khoa học và Công nghệ cùng kỳ báo cáo hằng tháng.

- **Bước 3:** Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, đối chiếu và xác nhận (Mẫu số 05, 05a) theo quy trình hằng tháng tại khoản 2 Mục II Văn bản này. Đối tượng sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp chuyển đến kể từ khi được Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận đủ điều kiện.

3. Ngừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập

Đối tượng không còn nhu cầu nhận hỗ trợ ghi nội dung đề nghị ngừng hỗ trợ tại Mẫu số 01/HTSD Phụ lục III Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp vào Danh sách đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ (Mẫu số 04a) gửi Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận theo quy trình hằng tháng.

IV. ĐO TỐC ĐỘ TRUY NHẬP INTERNET VÀ HỖ TRỢ THIẾT BỊ ĐẦU CUỐI

1. Đo tốc độ truy nhập Internet bằng công cụ i-Speed

Căn cứ quy định tại Điều 6, Điều 7 và Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 51/2026/TT-BKHCN:

- **Doanh nghiệp viễn thông:** Chủ trì, tổ chức đo kiểm tốc độ truy nhập Internet bằng ứng dụng i-Speed by VNNIC tại các hộ gia đình thụ hưởng dịch vụ theo đúng phương pháp kỹ thuật; lập kết quả đo tốc độ truy nhập Internet (Mẫu số 01 Phụ lục Thông tư số 51/2026/TT-BKHCN). Doanh nghiệp chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của số liệu đo kiểm.

- **Ủy ban nhân dân cấp xã:** Phối hợp với doanh nghiệp bố trí trưởng thôn (tổ trưởng tổ dân phố) hoặc đại diện hộ dân được thụ hưởng dịch vụ tham gia chứng kiến quá trình đo và ký kết quả đo tại địa bàn.

- **Sở Khoa học và Công nghệ:** Kiểm tra, giám sát việc đo; ký xác nhận Kết quả đo với tư cách cơ quan quản lý nhà nước được Ủy ban nhân dân thành phố phân công.

2. Hỗ trợ thiết bị đầu cuối *(Triển khai sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể)*

- Doanh nghiệp viễn thông được giao nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao thiết bị (điện thoại thông minh) cho hộ gia đình đủ điều kiện thụ hưởng.

- Ủy ban nhân dân cấp xã cử đại diện chứng kiến, xác nhận và ký biên bản bàn giao thiết bị đầu cuối cho người dân, bảo đảm việc giao nhận diễn ra công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng danh sách được phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ *(giao Phòng Hạ tầng số và Quản lý chuyên ngành làm đầu mối)*

- Là đơn vị đầu mối tiếp nhận, thẩm định danh sách đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi lên; tham mưu Lãnh đạo Sở phê duyệt các văn bản xác nhận

danh sách gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, các Doanh nghiệp viễn thông và Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 25 hằng tháng.

- Chủ trì theo dõi, kiểm tra, giám sát công tác triển khai cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và chi hỗ trợ thiết bị đầu cuối trên địa bàn thành phố; kịp thời tổng hợp vướng mắc phát sinh để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, giải quyết.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu *(Cơ quan tiếp nhận đăng ký)*

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi chính sách của Chương trình để người dân biết và thực hiện quyền lợi; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ.

- Hướng dẫn đối tượng được hỗ trợ cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin khi đề nghị hỗ trợ; chỉ đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập tại một doanh nghiệp viễn thông; sử dụng dịch vụ, thiết bị được hỗ trợ đúng mục đích, hiệu quả.

- Tiếp nhận đăng ký; rà soát, lập danh sách biến động (tăng, giảm, điều chỉnh thông tin) gửi Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 hằng tháng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của danh sách; thông báo kết quả xác nhận cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Phân công cán bộ chuyên môn, trưởng thôn (tổ trưởng tổ dân phố) phối hợp đo tốc độ truy nhập Internet và chứng kiến, ký biên bản bàn giao thiết bị đầu cuối (khi phát sinh).

2. Đề nghị các Sở:Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ

- Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất kinh phí của các sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan do Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Phối hợp cung cấp, cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được cấp có thẩm quyền công nhận và các thông tin về địa bàn, dân cư thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến việc rà soát đối tượng, địa bàn thực hiện Chương trình.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp cung cấp, cập nhật thông tin về các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và các điểm trường thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến việc rà soát đối tượng, cơ sở thực hiện Chương trình.

- Sở Y tế: Phối hợp cung cấp, cập nhật thông tin về các cơ sở y tế, Trạm Y tế và điểm y tế thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến việc rà soát đối tượng, cơ sở thực hiện Chương trình.

- Sở Nội vụ: Phối hợp cung cấp, cập nhật thông tin về địa bàn, đối tượng thuộc phạm vi quản lý có liên quan đến các nội dung thực hiện Chương trình.

3. Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thành phố

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát hiện trạng, lập bản đồ số, cung cấp thông tin, số liệu, dữ liệu kỹ thuật, văn bản thống nhất hiện trạng; đề xuất phương án thiết kế sơ bộ và giải pháp công nghệ tại khu vực cần phổ cập dịch vụ (khi phát sinh).

- Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đúng đối tượng đã được Sở Khoa học và Công nghệ xác nhận, bảo đảm chất lượng, giá cước theo quy định; thực hiện thay đổi dịch vụ, phối hợp thay đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ theo danh sách được xác nhận; hướng dẫn người dân hoàn thiện thủ tục đăng ký.

- Chủ trì tổ chức đo tốc độ truy nhập Internet bằng công cụ i-Speed, lập báo cáo kết quả đo gửi Sở Khoa học và Công nghệ và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định; chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả đo.

- Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của dữ liệu báo cáo; thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam theo quy định.

- Doanh nghiệp được giao nhiệm vụ hỗ trợ thiết bị đầu cuối phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định của Chương trình và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ (qua Phòng Hạ tầng số và Quản lý chuyên ngành: đồng chí Phạm Thị Minh - Điện thoại/Zalo: 0982.040.077 và Trần Văn Thản - Điện thoại/Zalo: 0982582971) để phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND thành phố;
- Quỹ Viễn thông công ích Việt Nam;
- GĐ, PGĐ P.H.Thắng;
- Lưu: VT, HTS&CNg.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Phạm Huy Thắng

Mẫu số 03, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP (1)

Kính gửi(2): UBND xã/phường/ đặc khu:…..

1. Phần ghi thông tin đối tượng nhận hỗ trợ

Họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ (3):.....……

Số định danh cá nhân của đối tượng nhận hỗ trợ (4):.....……

Địa chỉ thường trú(5):.....

Đối tượng nhận hỗ trợ (nếu có)(6) :……

Đang sử dụng/dự kiến đăng ký sử dụng tại doanh nghiệp viễn thông (7)……..

2. Phần đăng ký sử dụng dịch vụ

Người đại diện đăng ký thuê bao sử dụng dịch vụ (8):……..……..……

Số định danh cá nhân của người đại diện đăng ký thuê bao (9):……..……

Địa chỉ thường trú (10):……

Quan hệ với đối tượng nhận hỗ trợ (11):……

…….(12)

Hiện nay, tôi có nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập do doanh nghiệp cung cấp như sau (13):

□ Dịch vụ ..…;

□ Dịch vụ ..…;

…

Tôi cam kết hiện tại chưa được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập ở bất kỳ doanh nghiệp viễn thông nào. Tôi đề nghị doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập nêu trên để sử dụng theo chính sách hỗ trợ của nhà nước.

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin trên.

Trân trọng cảm ơn./.

……, ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN ĐỐI TƯỢNG NHẬN HỖ TRỢ(14)

(*Ký và ghi rõ họ tên)*

Hướng dẫn ghi biểu:

(2) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đăng ký được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.

(3) Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình, ghi họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác, ghi tên đối tượng nhận hỗ trợ nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là cá nhân/hộ gia đình.

(4) Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu là đối tượng khác.

(5) Ghi địa chỉ thường trú của hộ gia đình/đối tượng nhận hỗ trợ khác/đơn vị nhận hỗ trợ (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).

(6) Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:

+ Hộ nghèo: HN;

+ Hộ cận nghèo: CN;

+ Tàu cá: TC.

(7) Ghi tên doanh nghiệp mà đối tượng đang sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập hoặc dự kiến đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập.

(8) Ghi họ và tên người đại diện đứng tên đăng ký chủ thuê bao sử dụng dịch

(9) Ghi số định danh cá nhân (đủ 12 chữ số) của người đại diện đăng ký sử dụng dịch vụ theo quy định.

(10) Ghi địa chỉ thường trú của người đại diện đăng ký sử dụng dịch vụ theo quy định (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).

(11) Chỉ ghi mục 11 nếu đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo) và ghi rõ quan hệ với chủ hộ (là Chủ hộ/thành viên… có tên trong giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc trong mục "Thông tin cư trú" trong ứng dụng VNeID của thành viên trong hộ nghèo, hộ cận nghèo).

(12) Chỉ ghi mục 12 nếu đối tượng nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải: Ghi biển số tàu cá.

(13) Không đánh dấu dịch vụ viễn thông phổ cập có nhu cầu nhận hỗ trợ.

Mẫu số 01/HTSD, Phụ lục III
(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ NGHỊ CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP/NGỪNG HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP (1)

Kính gửi(2): UBND xã/phường/đặc khu:…..

1. Phần ghi thông tin đối tượng nhận hỗ trợ

Họ và tên đối tượng nhận hỗ trợ (3): …….
Số định danh cá nhân của đối tượng nhận hỗ trợ/đại diện đơn vị (4): …….
Địa chỉ(5): ……..……...
Đối tượng nhận hỗ trợ(6): ……....
Họ và tên chủ thuê bao đang được hỗ trợ sử dụng dịch vụ(7): ……..
Số định danh cá nhân của chủ thuê bao(8): ……...…
Số thuê bao/Mã truy nhập(9): ……..

2. Phần nội dung đề nghị thay đổi

2.1. Hiện nay, tôi đang sử dụng dịch vụ *[Tên dịch vụ viễn thông phổ cập]*(10) do doanh nghiệp *[Tên doanh nghiệp viễn thông]*(11) cung cấp. Đề nghị được chuyển đổi sử dụng dịch vụ *[Tên dịch vụ viễn thông phổ cập]*(12) sang doanh nghiệp *[Tên doanh nghiệp viễn thông]*(13):

Thời gian thay đổi sang sử dụng dịch vụ trên từ khi được Cơ quan chuyên môn xác nhận đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp *[Tên doanh nghiệp viễn thông]*(14).

2.2. Đề nghị ngừng hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập của doanh nghiệp từ tháng … năm(15) ….

Trân trọng cảm ơn./.

……, ngày … tháng … năm ……
ĐẠI DIỆN ĐỐI TƯỢNG NHẬN HỖ TRỢ(16)
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Hướng dẫn ghi biểu:

1) Phiếu này do đối tượng nhận hỗ trợ thuộc Chương trình lập khi ngừng hoặc chuyển đổi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập.
(2) Ghi tên cơ quan tiếp nhận đăng ký được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.
(3) Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo), ghi tên đơn vị nếu đối tượng nhận hỗ trợ không phải là hộ gia đình.
(4) Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình, số định danh/mã định danh (nếu có) của đối tượng nhận hỗ trợ nếu không phải là hộ gia đình.

(5) Đối tượng là hộ gia đình: Ghi địa chỉ thường trú của hộ gia đình; đối tượng nhận hỗ trợ không phải là hộ gia đình: Ghi địa chỉ lắp đặt (ghi rõ thôn, xã, tỉnh/thành phố).
(6) Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:
+ Hộ nghèo: HN;
+ Hộ cận nghèo: CN.
(7) Ghi tên chủ thuê bao sử dụng dịch vụ áp dụng đối với đối tượng là hộ gia đình.
(8) Ghi số định danh cá nhân của chủ thuê bao áp dụng đối với đối tượng là hộ gia đình.
(9) Ghi Số thuê bao/Mã truy nhập.
(10) Ghi tên dịch vụ viễn thông phổ cập đang sử dụng.
(11) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng đang được nhận hỗ trợ.
(12) Ghi tên dịch vụ viễn thông phổ cập mà đối tượng được hỗ trợ muốn đăng ký sử dụng của doanh nghiệp viễn thông chuyển đến.
(13) , (14) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông mà đối tượng được nhận hỗ trợ muốn chuyển đến.
(15) Ghi tháng, năm chủ thuê bao muốn ngừng sử dụng dịch vụ.
(16) Người đại diện nhận hỗ trợ ký và ghi rõ họ và tên và mối quan hệ với đối tượng nhận hỗ trợ/Người đại diện đơn vị nhận hỗ trợ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

Mẫu số 04, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU……

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐĂNG KÝ NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích			Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ ...*	*Dịch vụ ...*	*...*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1										
2										
…										

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn cách ghi biểu</u>:

Hằng tháng, cơ quan tiếp nhận đăng ký thực hiện tổng hợp, lập danh sách đối tượng đăng ký (tăng) nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập từ các đối tượng có nhu cầu nhận hỗ trợ và gửi cơ quan chuyên môn để xác nhận.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Mã xã theo quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam áp dụng từ ngày 01/7/2025 và mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung).
- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo)/chủ tàu cá.
- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn,…. theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:

+ Hộ nghèo: HN;

+ Hộ cận nghèo: CN;
+ Tàu cá: TC.
- Cột 5, cột 6, cột 7: Không đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 8: Ghi biển số tàu cá nếu là đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông di động hàng hải

Mẫu số 04a, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU……

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng … năm …

Doanh nghiệp(*): …….

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích			Văn bản đã xác nhận đối tượng	Lý do giảm	Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ ...*	*Dịch vụ ...*	*...*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1												
2												
…												

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Hằng tháng, cơ quan tiếp nhận đăng ký/doanh nghiệp viễn thông tổng hợp, lập danh sách các đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập và gửi cơ quan chuyên môn xác nhận để thực hiện điều chỉnh giảm danh sách đối tượng đã được xác nhận; ghi lý do theo hướng dẫn tại cột (9) dưới đây.

(*) Ghi tên doanh nghiệp viễn thông đối tượng đăng ký sử dụng dịch vụ

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Mã xã theo quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam áp dụng từ ngày 01/7/2025 và mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung).
- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo)/chủ tàu cá.
- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn,…. theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá;
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:
+ Hộ nghèo: HN;
+ Hộ cận nghèo: CN;
+ Tàu cá: TC.
- Cột 5, cột 6, cột 7: Không đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 10: Ghi biển số tàu cá.

Mẫu số 04b, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU……

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

Doanh nghiệp(*): …….

Tháng .... năm 20...

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Thông tin sau điều chỉnh						Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Mã xã*	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	*Số định danh của đối tượng được hỗ trợ*	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	
										Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1													
2													
…													

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Biểu mẫu này do cơ quan tiếp nhận đăng ký/doanh nghiệp viễn thông tổng hợp, lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập điều chỉnh thông tin và gửi cơ quan chuyên môn xác nhận.

- Cột B, cột 5: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Mã xã theo quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam áp dụng từ ngày 01/7/2025 và mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung).

- Cột C, cột 6: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo)/chủ tàu cá.

- Cột 1, cột 7: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 2, cột 8: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 3, cột 9: Ghi tên tổ dân phố, thôn,…. theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:

+ Hộ nghèo: HN;

+ Hộ cận nghèo: CN;

+ Tàu cá: TC.

- Cột 11: Ghi biển số tàu cá trước điều chỉnh/Ghi biển số tàu cá sau điều chỉnh.

Mẫu số 05, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ …….

(SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ…

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng .... năm....

Doanh nghiệp: ……

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích			Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ ...*	*Dịch vụ ...*	*...*	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1										
2										
…										

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn xác nhận danh sách đăng ký (tăng) nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập và gửi cho doanh nghiệp viễn thông, đồng thời gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, gửi cơ quan tiếp nhận đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Mã xã theo quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam áp dụng từ ngày 01/7/2025 và mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung).
- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo)/chủ tàu cá.
- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn,…. theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá..
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:
+ Hộ nghèo: HN;
+ Hộ cận nghèo: CN;
+ Tàu cá: TC.
- Cột 5, cột 6, cột 7: Không đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.
- Cột 8: Ghi biển số tàu cá.

Mẫu số 05a, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ….

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP

Tháng … năm …

Doanh nghiệp: ……

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	**Mã xã**	**Thông tin đối tượng được hỗ trợ**	**Số định danh của đối tượng nhận hỗ trợ**	**Địa chỉ thường trú**		**Loại đối tượng**	**Đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích**			**Văn bản đã xác nhận đối tượng**	**Lý do**	**Ghi chú**
				Tên xã	*Tên thôn*		*Dịch vụ ...*	*Dịch vụ ...*	*...*			
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1												
2												
…												

……, ngày ... tháng ... năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Hằng tháng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn xác nhận các đối tượng không đủ điều kiện nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập để thực hiện điều chỉnh giảm danh sách đối tượng đã được xác nhận; ghi lý do theo hướng dẫn tại cột (9) dưới đây, gửi cho doanh nghiệp viễn thông, đồng thời gửi Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, gửi cơ quan tiếp nhận đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp các đối tượng không đủ điều kiện xác nhận (so với danh sách cơ quan tiếp nhận đăng ký đề xuất) thì cơ quan chuyên môn sử dụng mẫu biểu này để lập danh sách riêng gửi thông báo tới cơ quan tiếp nhận đăng ký.

- Cột B: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Mã xã theo quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam áp dụng từ ngày 01/7/2025 và mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung).

- Cột C: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo)/chủ tàu cá.

- Cột 1: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 2: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 3: Ghi tên tổ dân phố, thôn,…. theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.

- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:

+ Hộ nghèo: HN;

+ Hộ cận nghèo: CN;

+ Tàu cá: TC.

- Cột 5, cột 6, cột 7: Không đánh dấu (x) vào cột dịch vụ đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích.

- Cột 10: Ghi biển số tàu cá.

Mẫu số 05b, Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2026/TT-BKHCN ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ ……..
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ….

DANH SÁCH XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG PHỔ CẬP ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN

Tháng .... năm 20...

Doanh nghiệp:……

(Kèm theo văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của ……)

STT	Mã xã	Thông tin đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	Thông tin sau điều chỉnh						Ghi chú
				Tên xã	*Tên thôn*		Mã xã	Họ và tên đối tượng được hỗ trợ	Số định danh của đối tượng được hỗ trợ	Địa chỉ thường trú		Loại đối tượng	
										Tên xã	*Tên thôn*		
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1													
2													
…													

……, ngày … tháng … năm ……

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi biểu:

Biểu mẫu này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn lập danh sách đối tượng đủ điều kiện được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập cập nhật điều chỉnh thông tin và gửi cho doanh nghiệp viễn thông và Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, cơ quan tiếp nhận đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cột B, cột 5: Ghi mã xã theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam (Mã xã theo quyết định số 19/2025/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam áp dụng từ ngày 01/7/2025 và mã đơn vị hành chính chia tách, sáp nhập theo quy định tại các Quyết định bổ sung).
- Cột C, cột 6: Ghi họ và tên chủ hộ nếu đối tượng là hộ gia đình (hộ nghèo, hộ cận nghèo)/chủ tàu cá.
- Cột 1, cột 7: Ghi số định danh cá nhân của chủ hộ (đủ 12 chữ số) nếu là hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 2, cột 8: Ghi tên đơn vị hành chính cấp xã theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá.
- Cột 3, cột 9: Ghi tên tổ dân phố, thôn,…. theo địa chỉ thường trú của hộ gia đình/chủ tàu cá..
- Cột 4: Ghi loại đối tượng được hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập theo quy định của Chương trình được ký hiệu như sau:
+ Hộ nghèo: HN;
+ Hộ cận nghèo: CN;
+ Tàu cá: TC.
- Cột 11: Ghi biển số tàu cá trước điều chỉnh/Ghi biển số tàu cá sau điều chỉnh.